

THÔNG BÁO
Về kết quả lựa chọn tổ chức bán đấu giá tài sản

Căn cứ khoản 2 Điều 101 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014, 2018, 2020, năm 2022);

Căn cứ Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2023/KDTM-ST ngày 08/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai (nay là Tòa án nhân dân khu vực 11 – Gia Lai); Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 08/2024/KDTM-PT ngày 31/12/2024 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án phúc thẩm số 18/2025/QĐ-QSCBSBA ngày 05/10/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định thi hành án chủ động số 256/QĐ-CCTHADS ngày 01/4/2025 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai; Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 1185/QĐ-THADS ngày 22/10/2025 của Trưởng Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định về việc cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản số 04/QĐ-THADS ngày 23/12/2025 của Chấp hành viên Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Biên bản về việc kê biên, xử lý tài sản lập ngày 08/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Thông báo về kết quả thẩm định giá tài sản số 1925/TB-THADS.KV11 ngày 13/5/2026 của Chấp hành viên Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Thông báo về lựa chọn tổ chức bán đấu giá tài sản số 2318/TB-THADS.KV11 ngày 29/5/2026 và Thông báo về sửa đổi bổ sung thông báo về thi hành án số 2323/THADS.KV11-NV ngày 29/5/2026 của Chấp hành viên Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

I. KẾT QUẢ LỰA CHỌN

1. Tài sản đấu giá, giá khởi điểm:

1.1 Tài sản đấu giá: Quyền sử dụng đất, công trình xây dựng trên đất và tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa đất số 99, tờ bản đồ số 61, đất có diện tích 209,6 m² (mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị), tại địa chỉ: Tổ dân phố 10, thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai (nay là thôn 10, xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền

với đất số BE 558065 ngày 25/10/2011 do Ủy ban nhân dân huyện Chư Sê cấp mang tên ông Trịnh Văn Dũng và bà Phạm Thị Dung.

(Hiện trạng theo Biên bản về việc kê biên, xử lý tài sản lập vào hồi 08 giờ 00 phút, ngày 08/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai).

1.2 Giá trị tài sản được thẩm định giá:

(1) Quyền sử dụng đất; giá trị tài sản: 1.155.315.200 đồng *(Một tỷ một trăm năm mươi lăm triệu ba trăm mười lăm nghìn hai trăm đồng).*

(2) Công trình xây dựng; giá trị tài sản: 7.842.973 đồng *(Bảy triệu tám trăm bốn mươi hai nghìn chín trăm bảy mươi ba đồng).*

(3) Cây trồng trên đất; giá trị tài sản: 4.793.250 đồng *(Bốn triệu bảy trăm chín mươi ba nghìn hai trăm năm mươi đồng).*

Tổng cộng: 1.167.951.423 đồng. Làm tròn: **1.167.951.000 đồng** *(Một tỷ một trăm sáu mươi bảy triệu chín trăm năm mươi một nghìn đồng).*

* Giá khởi điểm: **1.167.951.000 đồng** *(Một tỷ một trăm sáu mươi bảy triệu chín trăm năm mươi một nghìn đồng).*

2. Tên, địa chỉ tổ chức hành nghề đấu giá tài sản được lựa chọn: Doanh nghiệp đấu giá tư nhân Miền Nam; địa chỉ: 142 Huỳnh Thúc Kháng, phường Diên Hồng, tỉnh Gia Lai. SĐT: 0948202277. Tổng số điểm: 90 điểm.

3. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản không được đánh giá, chấm điểm kèm theo lý do (nếu có): Không có.

4. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản bị từ chối xem xét, đánh giá hồ sơ kèm theo lý do từ chối (nếu có): Không có.

II. KẾT QUẢ CHẤM ĐIỂM (bao gồm cả tổ chức hành nghề đấu giá tài sản được lựa chọn)

TT	NỘI DUNG	DOANH NGHIỆP ĐẤU GIÁ TƯ NHÂN MIỀN NAM	CÔNG TY ĐẤU GIÁ HỢP DANH LAM SƠN SÀI GÒN
I	Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố		
1.	Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện	Đủ điều kiện
2.	Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố		
II	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	18,00	15,00

1.	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	10,00	6,00
1.1	Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc	5,00	5,00
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện	5,00	1,00
2.	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	5,00	5,00
2.1	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	2,00	2,00
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	3,00	3,00
3.	Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên	2,00	2,00
	Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp		
4.	Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến	0,00	1,00
5.	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1,00	1,00
III	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	16,00	13,00
1.	Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao	4,00	4,00
1.1	Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả	2,00	2,00
1.2	Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả	2,00	2,00
2.	Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)	4,00	1,00
3.	Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá	4,00	4,00
3.1	Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật	2,00	2,00

3.2	Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá	2,00	2,00
4.	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, đùm giã, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá	4,00	4,00
IV	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản	48,00	57,00
1.	Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành)	15,00	15,00
	Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.		
1.1	Dưới 20 cuộc đấu giá		
1.2	Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá		
1.3	Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá		
1.4	Từ 70 cuộc đấu giá trở lên	15,00	15,00
2.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề	6,00	7,00
	Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.		
2.1	Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)		
2.2	Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành		
2.3	Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành	6,00	
2.4	Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên		7,00
3.	Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề (Người có tài sản không yêu cầu nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao hợp đồng, quy chế cuộc đấu giá và các tài liệu có liên quan)	6,00	7,00
	Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.		
3.1	Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)		
3.2	Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc		
3.3	Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc	6,00	
3.4	Từ 50 cuộc trở lên		7,00

4.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên (Người có tài sản đấu giá không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng)	3,00	3,00
	Người có tài sản chấm điểm theo cách thức dưới đây. Trường hợp kết quả điểm là số thập phân thì được làm tròn đến hàng phần trăm.		
	Trường hợp số điểm của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản dưới 1 điểm (bao gồm cả trường hợp 0 điểm) thì được tính là 1 điểm.		
4.1	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất (Y cuộc) thì được tối đa 3 điểm	3,00	3,00
4.2	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề (U cuộc) thì số điểm được tính theo công thức:		
	Số điểm của B = $(U \times 3)/Y$		
4.3	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (C) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo (V cuộc) thì số điểm được tính tương tự theo công thức nêu trên: Số điểm của C = $(V \times 3)/Y$		
5.	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực)	5,00	7,00
	Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.		
5.1	Có thời gian hoạt động dưới 05 năm		
5.2	Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm	5,00	
5.3	Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm		
5.4	Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên		7,00
6.	Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản	2,00	4,00
	Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.		
6.1	01 đấu giá viên	2,00	
6.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên		

6.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên		4,00
7.	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản hoặc thông tin về danh sách đấu giá viên trong Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản)	4,00	4,00
	Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.		
7.1	Dưới 05 năm		
7.2	Từ 05 năm đến dưới 10 năm		
7.3	Từ 10 năm trở lên	4,00	4,00
8.	Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề	4,00	5,00
	Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.		
8.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên		
8.2	Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	4,00	
8.3	Có từ 4 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên		5,00
9.	Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính và số thuế thực nộp được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì có văn bản về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước)	3,00	5,00
	Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.		
9.1	Dưới 50 triệu đồng	3,00	

9.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng		
9.3	Từ 100 triệu đồng trở lên		5,00
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định (Người có tài sản có thể chọn hoặc không chọn tiêu chí tại mục này để đánh giá chấm điểm. Trường hợp chọn tiêu chí tại mục này thì người có tài sản chọn một hoặc nhiều tiêu chí sau đây nhưng số điểm không được vượt quá mức tối đa của từng tiêu chí và tổng số điểm không được vượt quá mức tối đa của mục này)	8,00	2,00
Tổng số điểm		90,00	87,00

Vậy, Chấp hành viên đề thông báo đương sự; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; tổ chức hành nghề đấu giá biết./.

Nơi nhận:

- Cổng TTĐTQG về ĐGTS (để đăng tải);
- Trang TTĐTTHADS Gia Lai (để đăng tải);
- Viện KSND khu vực 11 – Gia Lai;
- Đương sự;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: VT, HSTHA.

CHẤP HÀNH VIÊN

Trương Ngọc Hiệp